Chi tiết mã HS 9015.30.00

Mã HS	9015.30.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị và dụng cụ dùng để quan trắc (kể cả quan trắc ảnh), dùng cho thủy văn học, hải dương học, thủy học, khí tượng học hoặc địa lý học, trừ la bàn; máy đo xa / - Dụng cụ đo cân bằng (levels)
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 14:03:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90153000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18049
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18049
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18049
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17360
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17289
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17289
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17289
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17289
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17289
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17289
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17345
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17345

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17345
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17345
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17345
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17345
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17346
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17346
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17346
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17346
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17346
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17346
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17351
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17307
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17303
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17303
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17303
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17303
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17303
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17303
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17349
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17349
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17349
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17349
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17349
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17349
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17411
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17411

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17411
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17411
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17411
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17411
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17387
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17387
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17387
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17387
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17387
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17387
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17382
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17382
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17382
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17382
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17382
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17382
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17412
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17412
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17412
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17412
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17412
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17412
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17411
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17411
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17411
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17411

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17411
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17411
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17505
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17505
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17505
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17505
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17505
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17505
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17505
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17374
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17374
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17374
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17374
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17374
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17374
RCEP B	2022	2022	0	B!D17374
RCEP B	2023	2023	0	B!E17374
RCEP B	2024	2024	0	B!F17374
RCEP B	2025	2025	0	B!G17374
RCEP B	2026	2026	0	B!H17374
RCEP B	2027	2027	0	B!I17374
RCEP C	2022	2022	0	C!D17372
RCEP C	2023	2023	0	C!E17372
RCEP C	2024	2024	0	C!F17372
RCEP C	2025	2025	0	C!G17372
RCEP C	2026	2026	0	C!H17372

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17372
RCEP D	2022	2022	0	D!D17371
RCEP D	2023	2023	0	D!E17371
RCEP D	2024	2024	0	D!F17371
RCEP D	2025	2025	0	D!G17371
RCEP D	2026	2026	0	D!H17371
RCEP D	2027	2027	0	D!I17371
RCEP E	2022	2022	0	E!D17375
RCEP E	2023	2023	0	E!E17375
RCEP E	2024	2024	0	E!F17375
RCEP E	2025	2025	0	E!G17375
RCEP E	2026	2026	0	E!H17375
RCEP E	2027	2027	0	E!I17375
RCEP F	2022	2022	0	F!D17374
RCEP F	2023	2023	0	F!E17374
RCEP F	2024	2024	0	F!F17374
RCEP F	2025	2025	0	F!G17374
RCEP F	2026	2026	0	F!H17374
RCEP F	2027	2027	0	F!I17374
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16291
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16291
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16291
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16291

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9015.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9015.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18049), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.